

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA VANG  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22-7-2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tán Nghị

Ông Ngô Hồng Kha

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 9, thôn V, xã Hòa L, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

*Bị đơn:* Bà Hồ Thị A, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 9, thôn V, xã Hòa L, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Tấn T và bà Hồ Thị A kết hôn năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện X, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn V, xã Hòa L, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, lúc đầu hôn nhân của vợ chồng ông T bà A hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, trầm trọng nhất bắt đầu từ năm 2019 đến nay, nguyên nhân do hai người không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, xúc phạm danh dự và nghi ngờ nhau không chung thủy, hai người không có sự chia sẻ, thông cảm cho nhau, sự việc cứ âm ỷ kéo dài dẫn đến hai người đã tự sống ly thân. Ở địa phương, qua xác M xác định được vợ chồng ông T, bà A có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không gây ồn ào hay có yêu cầu chính quyền

phải vào can thiệp hòa giải. Theo ông T, do vợ chồng ông làm việc giờ hành chính và là người am hiểu pháp luật nên khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng tự giải quyết chứ không làm ảnh hưởng đến bất kỳ ai. Đến nay ông T xác định không còn tình cảm, thương yêu bà A nên việc ly hôn là tốt nhất cho cả hai nên ông xin Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hồ Thị A.

- *Về con chung*: Ông T xác định vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Hồ A M, sinh ngày 24/01/2009 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 16/9/2015. Ly hôn, ông T xin trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hồ A M, sinh ngày 24/01/2009 và giao con Nguyễn Tấn T, sinh ngày 16/9/2015 cho bà A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- *Về tài sản chung*: Ông T và bà A đã tự phân chia xong tài sản chung, do đó đôi với yêu cầu chia tài sản chung tại đơn khởi kiện đã được Tòa án thụ lý, ông T xin rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông T xác định, giữa ông với bà A không có nợ ai.

*Tại Bản trình bày ý kiến, Biên bản hòa giải ngày 24/5/2021 và tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Thị A trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hồ Thị A thống nhất với lời trình bày của ông T về điều kiện kết hôn, thời điểm và nơi đăng ký kết hôn như trên là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn V, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây hai người có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bà không rõ, chỉ có sự việc năm 2019 ông T thấy bà trao đổi, nhắn tin và nói chuyện với đồng nghiệp nam nên nảy sinh nghi ngờ, nhưng bà cho rằng ông T nghi ngờ không có căn cứ, bà cũng đã giải thích nhưng ông T không chịu nghe và lăng trA bà nên hai vợ chồng không tiếp xúc nói chuyện được với nhau, bà gọi điện ông T cũng không nghe máy và chặn số điện thoại của bà. Nhưng bà A cho rằng mâu thuẫn giữa bà với ông T chưa đến mức trầm trọng để ông T phải ly hôn, hiện bà còn thương yêu ông T nên ông T yêu cầu ly hôn, bà xin được đoàn tụ.

- *Về con chung*: Bà A xác định, giữa bà với ông T có hai con chung tên là Nguyễn Hồ A M, sinh ngày 24/01/2009 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 16/9/2015. Bà không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết. Nhưng do ông T cương quyết ly hôn nên bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tấn T; đôi với con Nguyễn Hồ A M do cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với ông T nên bà đồng ý giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Do mỗi người nuôi một đứa con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- *Về tài sản chung*: Bà A xác định, giữa bà với ông T đã tự phân chia xong tài sản chung, do đó những ý kiến tại bản trình bày ý kiến và Biên bản hòa giải ngày 25/4/2021 bà Hồ Thị A về tài sản chung, bà A đề nghị Tòa án không phải xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà A xác định, giữa bà với ông T không có nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T đối với bà Hồ Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Tấn T được ly hôn bà Hồ Thị A.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung Nguyễn Hồ A M, sinh ngày 24/01/2009 cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 16/9/2015 cho bà Hồ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ông T và bà A đã tự phân chia xong, ông T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; đồng thời đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn T phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả án phí chia tài sản chung cho ông T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:*

*Về tố tụng:* Ông Nguyễn Tấn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn bà Hồ Thị A; trú tại: Thôn V, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của ông T là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn T và bà Hồ Thị A xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện X, tỉnh Quảng Nam vào năm 2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

*Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy:*

[1.1] Ông T cho rằng quá trình chung sống, lúc đầu hôn nhân giữa ông với bà A hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, xúc phạm danh dự và nghi ngờ nhau không chung thủy, hai người không có sự chia sẻ, thông

cảm cho nhau, sự việc cứ âm ỷ kéo dài dẫn đến hai người đã tự sống ly thân. Nay về tình cảm ông T xác định không còn yêu thương bà A nữa nên xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà A.

[1.2] Bà A cho rằng trong quá trình chung sống, lúc đầu giữa bà với ông T sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây hai người có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bà không rõ, chỉ có sự việc năm 2019 ông T thấy bà trao đổi, nhắn tin và nói chuyện với đồng nghiệp nam nên nảy sinh nghi ngờ, nhưng bà cho rằng ông T nghi ngờ không có căn cứ, bà cũng đã giải thích nhưng ông T không chịu nghe và lăng trA bà nên hai vợ chồng không tiếp xúc nói chuyện được với nhau, bà gọi điện ông T cũng không nghe máy và chặn số điện thoại của bà. Tuy vậy, nhưng bà A cho rằng mâu thuẫn giữa bà với ông T chưa đến mức trầm trọng để ông T phải ly hôn nên ông T yêu cầu ly hôn thì bà xin được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà A lúc đầu hạnh phúc, nhưng nay đã phát sinh mâu thuẫn, ông T xác định không còn tình cảm và cương quyết phải được ly hôn với bà A, bà A xin đoàn tụ nhưng lại không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm, Tòa án đã hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện về mặt thời gian cho vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay hai vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, hai người càng ngày càng xa lA nhau; bà A cũng xác định hai vợ chồng bà không thể ngồi lại nói chuyện với nhau, ông T không chịu nghe bà nói, lăng trA bà nên hai người không thể tháo gỡ được mâu thuẫn, bà gọi điện ông T cũng không nghe máy và chặn số điện thoại của bà, hai người đã sống ly thân. Mặc dù bà A không đồng ý ly hôn, nhưng khi ông T xin ly hôn, giữa bà A và ông T đã tự phân chia xong tài sản chung và con chung. Qua xác M tại chính quyền địa phương, cho thấy quá trình chung sống giữa hai ông T, bà A đã xảy ra mâu thuẫn, nhưng do hai người tự giải quyết với nhau nên chưa lần nào địa phương vào can thiệp hòa giải.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy giữa ông T và bà A không có đời sống hôn nhân thực sự hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà Hồ Thị A là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà A xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồ A M, sinh ngày 24/01/2009 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 16/9/2015. Ly hôn, lúc đầu cả ông T và bà A đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T, bà A đã thay đổi ý kiến và cùng thống nhất, cụ thể:

Giao con chung Nguyễn Hồ A M, sinh ngày 24/01/2009 cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 16/9/2015 cho bà Hồ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Xét nguyện vọng của ông T và bà A thì thấy: Cả ông T và bà A đều phải có nghĩa vụ và quyền đối với con, cũng như có quyền được nuôi con; ông T bà A có hai con, cả ông T và bà A đều có việc làm, có nơi cư trú và nhà ở ổn định, nhằm đảm

bảo quyền lợi tốt nhất cho các con, thiết nghĩ giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp; tại phiên tòa ông T và bà A thống nhất, ông T nuôi cháu M, bà A nuôi cháu Tâm đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của cháu M là người đã đủ 7 tuổi nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, cả ông T và bà A xác định mỗi người nuôi một cháu con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.*

[3] Về tài sản chung: Khi thụ lý vụ án, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung. Nhưng quá trình giải quyết vụ án ông T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung với lý do vợ chồng đã tự phân chia xong tài sản chung. Bà A cũng thừa nhận hai vợ chồng đã tự phân chia xong tài sản chung nên cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông T xin rút yêu cầu chia tài sản chung, với lý do hai vợ chồng đã tự phân chia xong tài sản chung, đây là sự tự nguyện và quyền định đoạt của nguyên đơn, không trái quy định pháp luật; bà A là bị đơn cũng thừa nhận vợ chồng đã tự phân chia xong tài sản chung, nên các ý kiến trước khi mở phiên tòa đối với chia tài sản chung bà không có ý kiến hay yêu Tòa án xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, do nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án lý hôn nên đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản chung; đồng thời không xem xét đến yêu cầu chia tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông T và bà A xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn T phải chịu theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung cho ông T.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:* Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 147, Điều 266 và Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T đối với bà Hồ Thị A về việc yêu cầu chia tài sản chung trong khi ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T đối với bà Hồ Thị A về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

A. [2.1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Tấn T được ly hôn với bà Hồ Thị A.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Giao con chung Nguyễn Hồ A M, sinh ngày 24/01/2009 cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 16/9/2015 cho bà Hồ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

*Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.*

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông T đã nộp tại biên lai thu số 0008210 ngày 22/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Ông T đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn T số tiền tạm ứng án phí 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0008209 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

[4] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/7/2021.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã N, huyện X, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thế Anh**